

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 5 - 2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Diện

2. Bà Ngô Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chánh Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: X3, thôn G, xã HB, huyện H, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã HC, huyện H, tỉnh B.

(Anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn ngày 05 tháng 4 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn gay gắt

không giải quyết được, chị N và anh T đã ly thân được hơn 09 năm nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân T sinh ngày 12/3/2011, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

+ *Tại Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HC. Sau khi cưới hai vợ chồng sống chung với nhau được 08 tháng thì có mâu thuẫn, chị N bỏ về nhà cha mẹ ở, hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân T sinh ngày 12/3/2011, khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo qui định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh T; giao con chung tên Nguyễn Xuân T sinh ngày 12/3/2011 cho chị N nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; chị N thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn anh Phạm Quốc T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Sau một thời gian chung sống, vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị N và anh T đã ly thân đến nay hơn 9 năm. Chị N và anh T đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Có thể thấy, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị N ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và đúng qui định của pháp luật.

[3] Về nuôi con: Chị N và anh T đều thống nhất cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 12/3/2011 là con chung của anh chị và đều yêu cầu được nuôi cháu T. Cháu T đã sống với chị N từ lúc nhỏ đến nay, có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng chị N. Mặt khác, anh T là người bị liệt nhẹ nên sẽ không đảm bảo tốt được việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 12/3/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con nên được ghi nhận.

[5] Về tài sản: Các bên không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì chị N được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng qui định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Quốc T.

2. Về nuôi con:

2.1. Giao cháu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 12/3/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng cho con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Phạm Quốc T cấp dưỡng cho con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N được miễn án phí hôn nhân và

gia đình sơ thẩm. Trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005504 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng